TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG TÍN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: **61**/2024/HSST
Ngày 23/5/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN

- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Trí

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn H và ông Nguyễn Đăng Bôi

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thanh T;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23/5/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, thành phố H, đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 47/2024/TLST-HS ngày 26/4/2024 va Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/HSST-QĐ ngày 09/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Văn Thị H**, sinh năm: 1976**;** HKTT: Thôn V, xã T, huyện T, thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo, đảng phái: Không; **t**rình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; bố đẻ là ông Văn Đình K, sinh năm 1946; mẹ đẻ là bà Văn Thị Đ, sinh năm 1950; có **c**hồng là Lương Đình Đ, sinh năm: 1976 và có 02 con (lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 1997).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/12/2023 đến ngày 05/01/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Lê Đình Đ**, sinh năm: 1986; HKTT: Thôn V, xã T, huyện T, thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo, đảng phái: Không; **t**rình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; bố đẻ là ông Lê Đình G, sinh năm 1960; mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962; có vợ là Lương Thị T, sinh năm: 1986 và có 02 con (lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2007).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Bản án số 33/2010/HSST ngày 29, 30/6/2010 của Tòa án nhân dân huyện T, TP. H xử phạt 09 tháng 09 ngày cải tạo không giam giữ, được trừ quy đổi 03 ngày tạm giam, hình phạt còn lại: 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc ***(đã được xóa án tích)****.*

+ Bản án số 10/2016/HSST ngày 16/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện T, TP. H xử phạt 05 tháng 15 ngày tù về tội Đánh bạc. Đến ngày 30/6/2016 được ra trại trở về địa phương ***(đã được xóa án tích)****.*

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/12/2023 đến ngày 05/01/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1984; HKTT: Thôn K, xã C, huyện T, thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo, đảng phái: Không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; có bố đẻ là ông Nguyễn Văn Huy (đã chết); mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1948; có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm: 1984 và có 02 con (lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2008).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: *Bản án số 81/2009/HSST ngày 26/10/2009 của Tòa án nhân dân huyện T, TP. H xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 15 tháng 24 ngày về tội Đánh bạc (đã được xóa án tích).*

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/12/2023 đến ngày 05/01/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt tại phiên tòa).

4. Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1978; HKTT: Thôn N, xã V, huyện T, thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo, đảng phái: Không; trình độ học vấn: 5/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; có bố đẻ là ông Nguyễn Văn H (đã chết); mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1939, có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm: 1980 và có 02 con (lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2005).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: *Quyết định số 195 ngày 04/11/2016 của Công an huyện T - thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 1.500.000 đồng (đã thi hành).*

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/12/2023 đến ngày 05/01/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt tại phiên tòa).

5. Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1976; HKTT: Thôn N, xã V, huyện T, thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo, đảng phái: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; có bố đẻ là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1950; mẹ đẻ là bà Bùi Thị T, sinh năm 1952; có vợ là Trần Kim O, sinh năm: 1976 và có 02 con (lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2005).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/12/2023 đến ngày 05/01/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt tại phiên tòa).

6. Họ và tên: **Văn Đình N**, sinh năm: 1992; HKTT và chỗ ở: Thôn V, xã T, huyện T, thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo, đảng phái: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; có bố đẻ là ông Văn Đình V, sinh năm 1957; mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; có vợ là Lương Thị T, sinh năm: 1994 và có 02 con (lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/12/2023 đến ngày 05/01/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt tại phiên tòa).

7. Họ và tên: **Nguyễn Văn Q**, sinh năm: 1978; HKTT và chỗ ở: thôn N, xã V, huyện T, thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo, đảng phái: Không; trình độ học vấn: 3/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; có bố đẻ là ông Nguyễn Văn T (đã chết); mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Đ (đã chết); có vợ là Văn Thị M, sinh năm: 1989 và có 02 con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2010).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/12/2023 đến ngày 05/01/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Văn L, sinh năm 1982;

2. Nguyễn Văn C, sinh năm 1985;

Đều trú tại: Thôn N, xã V, huyện T, thành phố H. (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

To các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án thể hiện:

Khoảng 13 giờ ngày 28/12/2023, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Lê Đình Đ (địa chỉ như trên) đến nhà Văn Thị H, sinh năm 1976, ở thôn V, xã T, huyện T, thành phố H chơi. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày có thêm Nguyễn Văn H, sinh năm: 1978, HKTT: Thôn N, xã V, huyện T, thành phố. H đến. C, Đ, H, H rủ nhau chơi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi ***"Sâm"*** và xin H cho đánh bạc thì H bảo mọi người vào trong phòng cuối cùng sát phòng ngủ. Sau đó, H lấy 02 bộ bài tú lơ khơ (01 bộ màu xanh, 01 bộ màu đỏ) để lên thảm trải sẵn trong phòng cho C, H, Đ, H đánh bạc. H nói: "*Ai mà xin sâm thì bỏ ra 20.000 đồng hồ phế cho tôi*", mọi người đồng ý. Khi chơi, tất cả quy định 20.000 đồng/lá, mỗi người chơi được chia 10 lá bài, nếu có người chơi nào báo sâm thì được đánh trước, nếu không có ai báo sâm thì ván đầu tiên người

đánh trước là người chia bài, khi có người đánh hết bài trên tay trước thì về nhất, những người còn lại sẽ tính số bài còn lại trên tay nhân với 20.000 đồng để tính tiền trả cho người thắng, ai được sâm thì thắng và được của những người khác số tiền 400.000 đồng, ai bị bài cháy (không đánh được lá nào) thì mất cho người thắng số tiền 300.000 đồng. Từ ván tiếp theo, ai thắng thì được đánh trước. Khoảng 14 giờ 30 phút có Nguyễn Văn Q, sinh năm 1978, HKTT: Thôn N, xã V, huyện T, thành phố H đến đánh bạc thay H, còn H đi ra ngoài một lúc rồi quay lại ngồi xem. Khi các đối tượng đang đánh bạc thì Văn Đình N, sinh năm: 1992, HKTT: Thôn V, xã T, huyện T, thành phố H đến cùng tham gia đánh bạc với C, H, Đ và Q. Trong lúc các đối tượng chơi đánh bạc có Nguyễn Văn L, sinh năm 1982, Nguyễn Văn C, sinh năm 1985 cùng ở thôn N, xã V, huyện T, thành phố H ngồi xem, không tham gia đánh bạc. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, khi C, H, Đ, Q, N đang đánh bạc thì bị Công an huyện T tiến hành kiểm tra, bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây. 01 thảm; thu dưới chiếu bạc tổng số tiền 18.400.000 đồng, trong đó: C bị thu giữ 6.940.000 đồng, H bị thu giữ 3.360.000 đồng, Đ bị thu giữ số tiền 2.500.000 đồng, Q bị thu giữ số tiền 5.040.000 đồng, N bị thu giữ số tiền 300.000 đồng và trong lúc chơi đã báo sâm 13 lần với tổng số tiền bỏ ra để trả tiền hồ phế cho H là 260.000 đồng. T trên người các đối tượng tổng số tiền 18.710.000 đồng, trong đó thu trên người Nguyễn Văn H: 5.000.000 đồng, Lê Đình Đ: 4.000.000 đồng, Nguyễn Văn H: 2.730.000 đồng, Nguyễn Văn Q: 80.000 đồng, Văn Đình N: 6.900.000 đồng.

Tổng số tiền C, Đ, H, H, N, Q sử dụng vào việc đánh bạc là: **37.110.000** đồng (trong đó có 260.000 đồng tiền hồ phế bỏ ra cho chủ nhà là Văn Thị H).

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận như nội dung nêu trên và khai sử dụng số tiền để tham gia đánh bạc như sau:

Văn Thị H khai: Ngày 28/12/2023, H là người chuẩn bị 02 bộ bài tú lơ (01 bộ màu xanh, 01 bộ màu đỏ) đồng ý cho Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Lê Đình Đ, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Q và Văn Đình N đánh bạc sát phạt bằng tiền dưới hình thức chơi sâm tại phòng cuối cùng sát phòng ngủ nhà H. H không tham gia chơi đánh bạc mà thống nhất với những người chơi ai xin sâm thì sẽ bỏ ra 20.000 đồng làm tiền hồ phế cho H. Đến khoảng 16 giờ 30 cùng ngày, Công an huyện T tiến hành kiểm tra, bắt quả tang và thu giữ tang vật.

Nguyễn Văn C khai: Khi chơi đánh bạc C có 4.500.000 đồng dùng để đánh bạc, đến khi bị bắt, C bị thu giữ tại chiếu bạc số tiền 6.940.000 đồng.

Nguyễn Văn H khai: Khi chơi đánh bạc H có 9.000.000 đồng dùng để đánh bạc, đến khi bị bắt, H bị thu giữ tại chiếu bạc số tiền 3.360.000 đồng, thu trên người số tiền 5.000.000 đồng.

Lê Đình Đ khai: Khi chơi đánh bạc Đ có 6.000.000 đồng dùng để đánh bạc, đến khi bị bắt, Đ bị thu giữ tại chiếu bạc số tiền 2.500.000 đồng, thu trên người số tiền 4.000.000 đồng.

Nguyễn Văn H khai: Khi chơi đánh bạc H có 3.030.000 đồng dùng để đánh bạc, đến khi bị bắt, H bị thu giữ trên người số tiền 2.730.000 đồng.

Nguyễn Văn Q: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 28/12/2023, Q đến nhà H tham gia đánh bạc thay H. Khi chơi đánh bạc Q có 6.980.000 đồng dùng để đánh bạc, đến khi bị bắt, Q bị thu giữ tại chiếu bạc số tiền 5.040.000 đồng, thu trên người số tiền 80.000 đồng.

Văn Đình N khai: Khoảng hơn 15 giờ ngày 28/12/2023, N đến nhà H cùng tham gia đánh bạc với C, H, Q và Đ. Lúc chơi N có số tiền 7.600.000 đồng đánh bạc, đến khi bị bắt, N bị thu giữ tại chiếu bạc số tiền 300.000 đồng, thu trên người số tiền 6.900.000 đồng

Quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của nhau, phù hợp biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: Văn Thị H đã phạm vào tội "Tổ chức đánh bạc", Lê Đình Đ, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H, Văn Đình N, Nguyễn Văn Q đã phạm vào tội "Đánh bạc". Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự (đối với Văn Thị H).

- Văn Thị H từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án;

* Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình Sự (đối với Lê Đình Đ);

- Lê Đình Đ tưd 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 28/12/2023 đến ngày 05/01/2024.

* Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình Sự (Đối với Nguyễn Văn C). Đề nghị xử phạt:

- Nguyễn Văn C từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án;

* Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình Sự (Đối với Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H, Văn Đình N, Nguyễn Văn Q). Đề nghị xử phạt:

- Nguyễn Văn H từ 07 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án;

- Nguyễn Văn H, Văn Đình N và Nguyễn Văn Q mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo được hưởng án treo cho chính quyền địa phương nơi cư trú phối hợp cùng gia đình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

* Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo phạm tội Đánh bạc theo khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự và bị cáo phạm tội Tổ chức đánh bạc theo khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu để tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, 01 thảm là tang vật của vụ án không có giá trị sử dụng. Đối với số tiền **37.110.000** đồng thu giữ của các bị cáo, là tang vật của vụ án, đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

Các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đều không tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng mức thấp nhất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng: Về hành vi tố tụng, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về hành vi của các bị cáo: Tại phiên toà, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra vụ án đã được thẩm tra xem xét công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút ngày 28/12/2023, tại nhà của Văn Thị H ở thôn V, xã T, huyện T, thành phố H, đã cho các bị cáo Nguyễn Văn C có 4.500.000 đồng, Nguyễn Văn H có 9.000.000 đồng, Lê Đình Đ có 6.000.000 đồng và Nguyễn Văn H có 3.030.000 đồng rủ nhau chơi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi *"Sâm"*. H bảo mọi người vào trong phòng cuối cùng sát phòng ngủ nhà H rồi đi chuẩn bị 02 bộ bài tú lơ khơ (01 bộ màu xanh, 01 bộ màu đỏ) đưa cho C, H, Đ, H để đánh bạc và thống nhất ai báo sâm thì bỏ ra 20.000 đồng cho H là tiền hồ phế. Khi mọi người chơi có Nguyễn Văn Q có 6.980.000 đồng đến ngồi đánh bạc thay H, Văn Đình N có số tiền 7.600.000 đồng đến tham gia đánh bạc cùng với C, H, Đ và Q. Quá trình đánh bạc, các đối tượng đã báo sâm 13 lần với tổng số

tiền bỏ ra để trả tiền hồ phế cho H là 260.000 đồng. Trong lúc các đối tượng đang chơi đánh bạc thì bị tổ công tác Công an huyện T phát hiện, bắt quả tang. Vật chứng thu giữ gồm: 02 bộ bài tú lơ khơ (01 bộ màu xanh, 01 bộ màu đỏ), 01 thảm và số tiền chứng minh được các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là **37.110.000** đồng (trong đó có 260.000 đồng là tiền hồ phế bỏ ra chiếu cho H nhưng H chưa kịp nhận).

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo: Văn Thị H phạm về tội "Tổ chức đánh bạc", thuộc trường hợp sử dụng địa điểm là nhà ở thuộc quyền quản lý hợp pháp của mình, mua bài để cho 06 đối tượng sử dụng đánh bạc trái phép mà tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào đánh bạc là 37.110.000 đồng (trong đó có 260.000 đồng là tiền hồ phế bỏ ra chiếu cho H nhưng H chưa kịp nhận) theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; Lê Đình Đ, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H, Văn Đình N, Nguyễn Văn Q đã phạm vào tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đều nhận thức được việc Tổ chức đánh bạc và Đánh bạc là vi phạm pháp luật, nhưng do có lối sống buông thả và hám lợi bất chính, xâm phạm đến trật tự nếp sống văn minh của xã hội, vì cờ bạc nói chung là một tệ nạn xã hội, dẫn đến nhiều hành vi trái pháp luật khác phát sinh, gây mất trật tự trị an xã hội, bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo để nhằm mục đích răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Đây là vụ án có đồng phạm (đồng phạm giản đơn), hành vi phạm tội của các bị cáo không có sự bàn bạc và không có sự tổ chức, phân công từ trước. Do vậy, cần phân hoá vai trò và hành vi phạm tội của các bị cáo thông qua số tiền dùng vào việc đánh bạc, đặc điểm nhân thân và vai trò của từng bị cáo trong vụ án để có cơ sở cá thể hoá mức hình phạt cho phù hợp theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Đối với hành vi Tổ chức đánh bạc của Văn Thị H mặc dù không tham gia vào việc đánh bạc nhưng lại sử dụng nhà của mình, trực tiếp chuẩn bị bài, thảm vải cho các đối tượng đánh bạc, mục đích để hưởng lợi tiền từ các con bạc trích ra trả tiền hồ phế và tổng số tiền các con bạc sử dụng vào đánh bạc là 37.110.000 đồng (trong đó có 260.000 đồng tiền hồ phế) nên bị cáo được xác định là vai trò chính trong vụ án.

Bị cáo Lê Đình Đ khi tham gia chơi Đ có 6.000.000 đồng dùng để đánh bạc, mặc dù số tiền không cao hơn một số các bị cáo khác, vai trò đồng phạm của bị cáo trong tốp đầu tiên khởi xướng chơi đánh bạc, xét về đặc điểm nhân thân năm 2010 và 2016 đã bị xử phạt cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn về tội "Đánh bạc", mặc dù đều đã được xóa án nhưng cho thấy bị cáo không lấy đó là bài học cho bản thân lại tiếp tục phạm tội cùng loại do vậy bị cáo là người có nhân thân xấu nên được xác định vai trò chính trong nhóm các bị cáo đánh bạc và vai trò thứ hai trong vụ án sau H;

Đối với Nguyễn Văn C khi tham gia đánh bạc C có 4.500.000 đồng dùng để đánh bạc, mặc dù số tiền không cao nhưng vai trò đồng phạm của bị cáo trong tốp đầu tiên

khởi xướng chơi đánh bạc, về đặc điểm nhân thân năm 2009 đã bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo, mặc dù đã được xóa án nhưng cho thấy bị cáo không lấy đó là bài học cho bản thân lại tiếp tục phạm tội cùng loại do vậy bị cáo được xác định vai trò thứ 2 trong vụ án đánh bạc sau Đ;

Đối với Nguyễn Văn H khi tham gia chơi đánh bạc H có 3.030.000 đồng dùng để đánh bạc, vai trò đồng phạm của bị cáo trong tốp đầu tiên khởi xướng chơi đánh bạc, về đặc điểm nhân thân năm 2016 của Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 1.500.000 đồng (đã thi hành), nhưng cho thấy bị cáo không lấy đó là bài học cho bản thân lại tiếp tục phạm tội cùng loại; Nguyễn Văn H khi tham gia chơi đánh bạc H có 9.000.000 đồng dùng để đánh bạc, số tiền cao nhất tham gia chơi bạc, vai trò đồng phạm của bị cáo trong tốp đầu tiên khởi xướng chơi đánh bạc, do vậy các bị cáo có vai trò ngang nhau, được xác định là thứ 3 trong vụ án đánh bạc;

Đối với Nguyễn Văn Q khi tham gia chơi đánh bạc có 6.980.000 đồng dùng để đánh bạc; Văn Đình N có 7.600.000 đồng, các bị cáo đều là những người vào sau tham gia đánh bạc, do vậy vai trò của các bị cáo là ngang nhau và và thấp nhất trong vụ án.

Xét về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thì thấy: Quá trình điều tra các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Văn Thị H, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H, Văn Đình N, Nguyễn Văn Q phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn C **là** lao động chính trong gia đình, bố đã chết, mẹ già ốm yếu cần phải có người chăm sóc và gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Lê Đình Đ, tại phiên tòa cho rằng bố đẻ bị cáo là Thương binh loại 2/4 nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào chứng minh nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Khi lượng mức hình phạt Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với bị cáo Lê Đình Đ năm 2010 và 2016 đã bị xử phạt cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn đều về tội "Đánh bạc", mặc dù đều đã được xóa án nhưng bị cáo được coi là người có nhân thân xấu. Căn cứ Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 Của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao (H dẫn thi hành điều 65 Bộ luật Hình sự) thì không đủ điều kiện được giáo dục cải tạo tại địa phương. Do vậy, cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự (tù có thời hạn), cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian phù hợp với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nhằm dăn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Bị cáo Nguyễn Văn C năm 2009 đã bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc" đã được xóa án tích từ lâu và có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Căn cứ Nghị quyết

số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 Của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao (H dẫn thi hành điều 65 Bộ luật Hình sự), bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng nên cần dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự (phạt tù nhưng cho hưởng án treo) và cho bị cáo thêm một cơ hội được cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng đủ để giáo dục riêng và phòng ngừa chung, không ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Các bị cáo Văn Thị H, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H, Văn Đình N, Nguyễn Văn Q đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng nên cần dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự (phạt tù nhưng cho hưởng án treo) và cho các bị cáo một cơ hội được cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng đủ để giáo dục riêng và phòng ngừa chung, không ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

* Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, Văn Thị H phạm tội Tổ chức đánh bạc và các bị cáo Lê Đình Đ, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H, Văn Đình N, Nguyễn Văn Q đã phạm vào tội Đánh bạc còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung (phạt một khoản tiền để sung quỹ nhà nước) theo quy định tại khoản 3 Điều 322 và theo khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo đều là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

*Xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Đối với 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, 01 thảm đều là tang vật của vụ án không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy; Đối với số tiền 37.110.000 đồng đã thu giữ của các bị cáo được xác định là tang vật của vụ án các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Trong vụ án này có các đối tượng như Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn C đến nhà H chơi, ngồi xem, không tham gia đánh bạc nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với L và C là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Văn Thị H phạm tội "Tổ chức đánh bạc"; Lê Đình Đ, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H, Văn Đình N, Nguyễn Văn Q phạm tội "Đánh bạc".

* Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự (đối với Văn Thị H). Xử phạt:

- **Văn Thị H 16** (Mười sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **32** (Ba hai) tháng tính từ ngày tuyên án;

* Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự (đối với Lê Đình Đ). Xử phạt:

- Lê Đình Đ 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 28/12/2023 đến ngày 05/01/2024.

* Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự (đối với Nguyễn Văn C). Xử phạt:

- **Nguyễn Văn C 10** (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **20** (Hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án;

* Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự (đối với Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H, Văn Đình N, Nguyễn Văn Q). Xử phạt:

- **Nguyễn Văn H 09** (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18** (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án;

- **Nguyễn Văn H 09** (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18** (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án;

- **Nguyễn Văn Q 08** (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **16** (Mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án;

- **Văn Đình N 08** (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **16** (Mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án;

Giao các bị cáo Văn Thị H và Văn Đình N cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T; giao bị cáo Nguyễn Văn C cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện T; giao các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, 01 thảm;

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 37.110.000 đồng.

(Đặc điểm và hiện trạng vật chứng thực hiện theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/5/2024và Uỷ nhiệm chi chuyển khoản ngày 15/3/2024 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

Buộc các bị cáo Văn Thị H, Lê Đình Đ, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H, Văn Đình N, Nguyễn Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố H;*
- *Sở Tư pháp – TP H;*
- *VKSND H T; VKS ND TP H;*
- *Chi cục THADS huyện T;*
- *Công an huyện T;*
- *UBND xã T; xã C; xã V, huyện T, TP H.*
- *Các bị cáo, người tham gia tố tụng khác;*
- *Lưu: Hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy Trí